

平成 29 年 6 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	34.5 t	7.64	12.2 cm	19.1 °C	
放流量	35.0 t	8.02	50.0 cm	19.0 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	280 KWH	3,179 KWH	5.80 t	
日平均使用量	9.0 KWH	102.5 KWH	0.19 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台: 2.52t	46台: 44.53t	54台: 13.95t	14台: 42.68t	2台: 3.76t	
前月累計	12台: 6.52t	94台: 109.95t	101台: 34.53t	17台: 44.42t	5台: 9.57t	
年度計	18台: 9.04t	140台: 154.48t	155台: 48.48t	31台: 87.10t	7台: 13.33t	

小 計	
月計	122台: 107.44 t
前月累計	229台: 204.99 t
年度計	351台: 312.43 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.46 t	122台: 107.90 t
前月累計	0.48 t	229台: 205.47 t
年度計	0.94 t	351台: 313.37 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	8台	269 m ³
前月累計	70台	513 m ³
年度計	78台	781 m ³

項目	日
搬入日数	22
日平均搬入数量	4.88 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	86.09 t	90台	スケール分散剤	20.00 kg
5	119.38 t	139台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	110.59 t	128台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	1.00 kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清 缶 剤	kg
12	t	台	並 塩	kg
1	t	台	リ ン 酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	3.50 m ³
			脱水ケーキ量	0.46 t
計	316.06 t	357台	脱水機運転時間	4:30 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	曇/雨	19 °C	19 °C	13 °C
2	曇/晴	14 °C	21 °C	11 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5	晴	14 °C	17 °C	6 °C
6	晴	14 °C	20 °C	9 °C
7	曇	16 °C	22 °C	9 °C
8	雨/曇	15 °C	16 °C	12 °C
9	晴/曇	16 °C	22 °C	10 °C
10		°C	°C	°C
11		°C	°C	°C
12	晴	12 °C	15 °C	6 °C
13	晴	17 °C	23 °C	8 °C
14	晴	17 °C	22 °C	11 °C
15	曇/雨	16 °C	18 °C	12 °C
16	晴	20 °C	23 °C	13 °C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19	晴	20 °C	22 °C	11 °C
20	晴	19 °C	25 °C	12 °C
21	晴/曇	22 °C	25 °C	13 °C
22	雨/曇	17 °C	18 °C	15 °C
23	晴	20 °C	23 °C	14 °C
24		°C	°C	°C
25		°C	°C	°C
26	曇	13 °C	16 °C	12 °C
27	晴	20 °C	20 °C	11 °C
28	晴	19 °C	22 °C	11 °C
29	晴	19 °C	25 °C	15 °C
30	晴	21 °C	25 °C	14 °C